

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trong các lĩnh vực đất đai, môi trường và tài nguyên nước thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về Kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành*

chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 174/TTr-STNMT ngày 28/4/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trong các lĩnh vực đất đai, môi trường và tài nguyên nước thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung, thay thế:

1. Sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thứ tự số 21 và số 41 của khoản I lĩnh vực đất đai thuộc mục A của phần 1 Danh mục thủ tục hành chính và toàn bộ nội dung thủ tục hành chính thứ tự số 21 (*từ trang 160 đến hết trang 166*) và số 41 (*từ trang 319 đến hết trang 322*) của khoản I lĩnh vực đất đai tại mục A thuộc phần II Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 03/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh;

2. Thay thế các thủ tục hành chính thứ tự số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9 và 16 của khoản IV lĩnh vực tài nguyên nước thuộc mục A thủ tục hành chính tỉnh; thủ tục hành chính thứ tự số 1 và 2 của khoản III lĩnh vực tài nguyên nước thuộc mục B thủ tục hành chính cấp huyện tại phần 1 Danh mục thủ tục hành chính và toàn bộ nội dung thủ tục hành chính thứ tự số 1, 2, 3, 4, 5, 6 (*từ trang 695 đến hết trang 727*), số 9 (*từ trang 739 đến hết trang 742*) và số 16 (*từ trang 786 đến hết trang 788*) của khoản IV lĩnh vực tài nguyên nước thuộc mục A thủ tục hành chính tỉnh; thủ tục hành chính thứ tự số 1 và 2 (*từ trang 935 đến hết trang 940*) của khoản III lĩnh vực tài nguyên nước, thuộc mục B thủ tục hành chính cấp huyện tại phần II Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 03/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 4, 7 của khoản II lĩnh vực môi trường thuộc mục A phần 1 Danh mục thủ tục hành chính và toàn bộ nội dung thủ tục hành chính số 4 (*từ trang 446 đến hết trang 455*), số 7 (*từ trang 472 đến hết trang 476*) của khoản II lĩnh vực môi trường thuộc mục A, phần II Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 03/08/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng Đăng ký đất đai, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thẩm quyền

quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, ban, TT;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Phần I.**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH – LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>				
1	1.011516 000.00.00.H10	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt	6	Một phần
2	1.011517 000.00.00.H10	Đăng ký khai thác nước dưới đất	11	Một phần
3	1.011518 000.00.00.H10	Trả lại Giấy phép Tài nguyên nước	15	Một phần

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG – LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
<b>I</b>	<b>TIẾP NHẬN TẠI MỘT TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>			
1	1.004193 000.00.00.H10	Đính chính giấy chứng nhận đã cấp	19	Toàn trình
<b>II</b>	<b>TIẾP NHẬN TẠI MỘT CỬA UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</b>			
2	1.004193 000.00.00.H10	Đính chính giấy chứng nhận đã cấp	26	Toàn trình

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ - LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>				
1.	1.004232 000.00.00.H10	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	31	Một phần
2.	1.004228 000.00.00.H10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	36	Một phần
3.	1.004223 000.00.00.H10	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	41	Một phần
4.	1.004211 000.00.00.H10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	47	Một phần
5.	1.004179 000.00.00.H10	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	53	Một phần
6.	1.004167 000.00.00.H10	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	60	Một phần
7.	1.000824 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép Tài nguyên nước	66	Toàn trình
8.	1.001740 000.00.00.H10	Lấy ý kiến UBND tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	71	Một phần
<b>II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>				
1.	1.001662 000.00.00.H10	Đăng ký khai thác nước dưới đất	74	Một phần
2.	1.001645 000.00.00.H10	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	79	Một phần

**D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÀI BỎ -LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>		
1	1.004246 000.00.00.H10	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
2	1.004621 000.00.00.H10	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại

## Phần II.

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THAY THẾ

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH - LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

##### 1. Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt. Mã số TTHC: 1.011516

###### a) Trình tự thực hiện

###### - Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khai thác sử dụng nước mặt (gọi là *Chủ đầu tư*) lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khai thác sử dụng nước mặt nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

###### - Bước 2: Thẩm định tờ khai và xác nhận đăng ký:

\* Thẩm định tờ khai: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định tờ khai (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết);

+ Trường hợp tờ khai đủ điều kiện xác nhận đăng ký, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận vào tờ khai;

+ Trường hợp không xác nhận đăng ký và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện tờ khai thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung gửi đến Bộ phận tiếp nhận để thông báo cho Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện tờ khai theo quy định pháp luật.

\* Trình xác nhận đăng ký: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký xác nhận vào tờ khai của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để

thông báo cho Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận tờ khai đã ký xác nhận.

- **Bước 4:** Chủ đầu tư nhận tờ khai đã ký xác nhận tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt: Mẫu 37 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

\* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt theo Mẫu 37 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

**Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (nơi xây dựng công trình)**

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:**

- 1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.....(1)  
1.2. Địa chỉ liên hệ:.....  
1.3. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có):.....

**2. Thông tin về công trình khai thác:**

- 2.1. Trường hợp có một (01) công trình khai thác, sử dụng nước mặt
- a. Vị trí công trình: .....(2)  
b. Nguồn nước khai thác: .....(3)  
c. Mục đích khai thác, sử dụng:.....(4)  
d. Lưu lượng khai thác: .....(5)  
đ. Phương thức khai thác, sử dụng nước:.....(6)  
e. Chế độ khai thác, sử dụng nước:.....(7)
- 2.2. Trường hợp có từ hai (02) công trình khai thác trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm tờ khai đăng ký này.

**3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:**

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (nơi xây dựng công trình) xem xét, xác nhận việc đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt cho (tổ chức/cá nhân đăng ký)/.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Tổ chức/cá nhân đăng ký**

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

- (1) Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập, Giấy đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo chứng minh nhân dân/căn cước công dân.
- (2) Ghi rõ tên địa danh (*thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước mặt; tọa độ X,Y các hạng mục chính công trình (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3<sup>0</sup>) đo bằng GPS cầm tay hoặc đo bằng thiết bị tương đương*).
- (3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông...
- (4) Nêu rõ mục đích khai thác, sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ nhiệm vụ cấp nước trực tiếp cho từng mục đích sử dụng (*cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản...*) và mục đích tạo nguồn (*nếu có*).
- (5) Ghi rõ lượng nước khai thác và lượng nước để tạo nguồn (*nếu có*).
- (6) Ghi rõ loại hình công trình (*hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước...*), mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,...
- (7) Ghi rõ chế độ điều tiết (*đối với hồ chứa*), số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.



## **2. Đăng ký khai thác nước dưới đất. Mã số TTHC: 1.011517**

### **a) Trình tự thực hiện**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyền quặng mà không gây hạ thấp mực nước dưới đất hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào moong khai thác khoáng sản (*gọi là Chủ đầu tư*) lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

#### **- Bước 2: Thẩm định tờ khai và xác nhận đăng ký:**

\* Thẩm định tờ khai: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định tờ khai (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết);

+ Trường hợp tờ khai đủ điều kiện xác nhận đăng ký, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận vào tờ khai;

+ Trường hợp không xác nhận đăng ký và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện tờ khai thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung gửi đến Bộ phận tiếp nhận để thông báo cho Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện tờ khai theo quy định pháp luật.

\* Trình xác nhận đăng ký: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký xác nhận vào tờ khai của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận tờ khai đã ký xác nhận.

- **Bước 4:** Chủ đầu tư nhận tờ khai đã ký xác nhận tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

### **b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 36 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

\* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kết quả Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất theo Mẫu 36 Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

*Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm*

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

*(đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ)*

**A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

*(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân).*

1.2. Địa chỉ liên hệ:.....

1.3. Số điện thoại liên hệ: .....

**2. Thông tin về công trình:**

2.1. Vị trí, tên công trình/dự án: .....

*(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)*

2.2. Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp (nếu có):.....

2.3. Kích thước moong khai thác: .....

2.4. Lượng nước để bơm hút tháo khô mỏ:..... ( $m^3$ /ngày đêm);

2.4. Chế độ.....

2.5. Thời gian đăng ký:.....

Cam kết của tổ chức/cá nhân đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (về tính chính xác, trung thực, thông tin số liệu trong tờ khai đăng ký; về trách nhiệm bảo vệ về tài nguyên môi trường).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**Tổ chức/cá nhân đăng ký**

*Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)*

**B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**

*(Xác nhận, ký, đóng dấu)*

---

**Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:**

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức / cá nhân xin đăng ký.
2. Vị trí, tên công trình/dự án.
3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo và trả Tờ khai cho cơ quan quản lý hoặc thông báo trực tiếp; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

### **3. Trả lại Giấy phép Tài nguyên nước. Mã số TTHC: 1.011518**

#### **a) Trình tự thực hiện**

##### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (gọi là Chủ đầu tư) lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyên hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

##### **- Bước 2: Thẩm định hồ sơ và trình chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép:**

\* Thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết thì thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện trả lại giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét quyết định chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép;

+ Trường hợp không chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đến Bộ phận tiếp nhận thông báo cho Chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật.

\* Trình chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình đề nghị trả lại Giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép theo quy định. Trường hợp không chấp nhận đề nghị trả lại Giấy phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường gửi cho Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư.

- **Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi và chuyển Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả thông báo cho Chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép.



- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị trả lại giấy phép (Mẫu 10);
- Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có).

\* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc (*Sở Tài nguyên và Môi trường: 07 ngày; UBND tỉnh: 03 ngày*).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị trả lại giấy phép.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép tài nguyên nước đã được cấp nhưng chủ giấy phép không sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng tiếp thì có quyền trả lại cho cơ quan cấp giấy phép và thông báo lý do.

- Giấy phép tài nguyên nước đã được cấp nhưng quy mô công trình thay đổi dẫn đến thay đổi thẩm quyền cấp giấy phép thì chủ giấy phép trả lại giấy phép đã được cấp cho cơ quan có thẩm quyền sau khi được cấp giấy phép mới.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

- Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:***

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Kính gửi:..... (1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

- 1.1. Tên chủ giấy phép:.....
- 1.2. Địa chỉ:.....
- 1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....
- 1.4. Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước số:... ngày...tháng... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp; thời hạn của giấy phép...

**2. Lý do đề nghị trả lại giấy phép:**.....  
(2)

**3. Các giấy tờ, tài liệu có liên quan nộp kèm theo Đơn này (nếu có).**

**4. Cam kết của chủ giấy phép:**

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết liên quan đến việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác liên quan đến khai thác, sử dụng nước theo quy định của pháp luật (tài liệu chứng minh kèm theo) đến thời điểm trả lại giấy phép.

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số:..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên chủ giấy phép)/.

..... ngày..... tháng..... năm .....

**Chủ giấy phép**

*Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)*

---

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

- (1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này).
- (2) Trình bày rõ lý do đề nghị trả lại giấy phép.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG - LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

### **I. Tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công - Thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.**

#### **1. Đính chính giấy chứng nhận đã cấp. Mã số TTHC: 1.004193**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng thông tin Dịch vụ công hoặc gửi qua đường dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công tại địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; điện thoại: 02716.254.888 (nhấn số nhánh 226 hoặc 227) hoặc tiếp nhận tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra, ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và trao Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến có chứng thực điện tử thì Bộ phận tiếp nhận kiểm tra, đối chứng, gửi tin nhắn xác nhận nộp hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp. Đồng thời, chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

*Đối với hồ sơ nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận trên hệ thống, chủ sử dụng đất có trách nhiệm gửi toàn bộ hồ sơ gốc về Bộ phận tiếp nhận để kiểm tra, đối chứng.*

##### **Bước 2.** Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện:

+ Lập biên bản kết luận và xác nhận vào đơn đăng ký biến động về nội dung và nguyên nhân sai sót;

+ Lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền thực hiện đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp có sai sót;

+ Trường hợp đính chính mà người được cấp Giấy chứng nhận có yêu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận thì Văn phòng Đăng ký đất đai trình cơ quan có thẩm quyền ký Giấy chứng nhận.

+ Chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai;

+ Chuyển kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công.

**Bước 3.** Trung tâm Phục vụ hành chính công thông báo cho người sử dụng đất biết kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

##### **b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Gửi qua đường dịch vụ bưu chính công ích;
- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công; qua đường dịch vụ bưu chính công ích theo nhu cầu.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;
- Đơn đăng ký biến động (mẫu 09/dk<sup>1</sup>) đối với trường hợp người sử dụng đất phát hiện sai sót;
- Giấy tờ chứng minh về việc sai sót (nếu có).

\* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp: không quá 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Sở Tài nguyên và Môi trường 2 ngày; Văn phòng Đăng ký Đất đai 5 ngày).

- Trường hợp cấp mới giấy: không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Sở Tài nguyên và Môi trường 3 ngày; Văn phòng Đăng ký Đất đai 7 ngày).

Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận.

**h) Phí, lệ phí:**

- \* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng.
- \* Đơn giá đăng ký và cấp Giấy chứng nhận:
  - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận:
    - + Đối với đất: 1.622.000 đồng;
    - + Đối với tài sản: 1.591.000 đồng;

- + Đối với cả đất và tài sản: 2.082.000 đồng.
- Trường hợp không cấp mới Giấy chứng nhận:
- + Đối với đất: 1.348.000 đồng;
- + Đối với tài sản: 1.346.000 đồng;
- + Đối với cả đất và tài sản: 1.731.000 đồng.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký biến động Mẫu 09/dk<sup>1</sup> .

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai ngày 19/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44//2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi Điều 17 và Điều 28 của Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:***

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Mẫu số 09/ĐK<sup>1</sup>**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG**  
**ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Kính gửi: .....

**PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ**  
Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng,  
thống nhất với giấy tờ xuất trình.  
Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:.....Quyển....  
Ngày..... / ..... / .....

**Người nhận hồ sơ**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

<b>I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ</b> (Xem hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)	
<b>1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>	
1.1. Tên (viết chữ in hoa): .....	
1.2. Địa chỉ <sup>(1)</sup> : .....	
<b>2. Giấy chứng nhận đã cấp</b>	
2.1. Số vào sổ cấp GCN:.....;	
2.2. Số phát hành GCN:.....;	
2.3. Ngày cấp GCN ...../...../.....;	
<b>3. Nội dung biến động về:</b> .....	
3.1. Nội dung trên GCN trước khi biến động: - .....	3.2. Nội dung sau khi biến động: - .....
<b>4. Lý do biến động</b> .....	
<b>5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất đăng ký biến động</b> .....	
<b>6. Giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi nộp kèm theo đơn này gồm có:</b> - Giấy chứng nhận đã cấp; .....	

Tôi       có nhu cầu cấp GCN mới                       không có nhu cầu cấp GCN mới

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng .... năm...

**Người viết đơn**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

<sup>1</sup> Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 09/ĐK ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.



**II- XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

*(Đối với hộ gia đình, cá nhân đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng và đối với trường hợp chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản vào Giấy chứng nhận đã cấp)*

.....  
 .....  
 .....

Ngày..... tháng..... năm .....

**Công chức địa chính**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ngày..... tháng..... năm .....

**TM. Ủy ban nhân dân**  
**Chủ tịch**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**III- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**

.....  
 .....  
 .....

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người kiểm tra**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

Ngày..... tháng..... năm .....

**Giám đốc**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**IV- Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Chỉ ghi ý kiến đối với trường hợp gia hạn sử dụng đất)*

.....  
 .....

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người kiểm tra**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

Ngày..... tháng..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Chú ý:**

- Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

- Đối với trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; trường hợp xác nhận thay đổi thông tin về pháp nhân, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ Căn cước công dân, địa chỉ vào Giấy chứng nhận thì không kê khai, không xác nhận các thông tin tại Điểm 5 của mục I, các mục II, III và IV của Đơn này.

- Đối với trường hợp xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận thì không kê khai, không xác nhận các thông tin tại Điểm 5 của Mục I, các mục II và IV của Đơn này.

## II. Tiếp nhận tại một cửa UBND cấp huyện; UBND cấp xã- Thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai

### 1. Đính chính giấy chứng nhận đã cấp. Mã số TTHC: 1.004193

#### a) Trình tự thực hiện:

**Bước 1:** Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, trao Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho người nộp hồ sơ. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến có chứng thực điện tử thì Bộ phận tiếp nhận kiểm tra, đối chứng, gửi tin nhắn xác nhận nộp hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp. Đồng thời chuyển hồ sơ về Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

*Đối với hồ sơ nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận trên hệ thống, chủ sử dụng đất có trách nhiệm gửi toàn bộ hồ sơ gốc về Bộ phận tiếp nhận để kiểm tra, đối chứng.*

**Bước 2:** Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- + Lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót;
- + Xác nhận nội dung sai sót vào Giấy chứng nhận đã cấp (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai) hoặc chuẩn bị hồ sơ để trình cơ quan có thẩm quyền xác nhận đính chính theo quy định;

Trường hợp đính chính mà người được cấp Giấy chứng nhận có yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuẩn bị hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

**Bước 3:** Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra pháp lý hồ sơ, thực hiện đính chính hoặc lập thủ tục ký cấp Giấy chứng nhận;
- Chuyển hồ sơ đã giải quyết cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

**Bước 4:** Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- Cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

- Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã để trả kết quả đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hoặc trả kết quả tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất. Đối với trường hợp nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích thì người sử dụng đất có thể yêu cầu nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Gửi qua đường dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất.

\* Nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; qua đường dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại địa điểm theo nhu cầu.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp;

- Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK (nếu có).

\* *Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản chính; 01 bộ bản sao.*

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp xã:

- + Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận (thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai): 07 ngày làm việc (trong đó: UBND cấp xã 03 ngày; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 04 ngày);

- + Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận hoặc cấp mới Giấy chứng nhận (thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường): 10 ngày làm việc (trong đó: UBND cấp xã 03 ngày; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 04 ngày; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh 03 ngày).

- Trường hợp tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện hoặc tại địa điểm theo nhu cầu của người sử dụng đất hoặc trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích:

+ Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận (thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai): 04 ngày làm việc;

+ Đối với trường hợp xác nhận nội dung sai sót trên Giấy chứng nhận hoặc cấp mới Giấy chứng nhận (thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường): 07 ngày làm việc (*trong đó: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 04 ngày; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh 03 ngày*).

Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian xác định nghĩa vụ tài chính của Chi cục Thuế; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.

**d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp Giấy chứng nhận do Sở cấp.

+ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với trường hợp đã đăng ký biên động về quyền sử dụng đất tại trang 03, trang 04.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cập nhật vào sổ địa chính và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý.

- Giấy chứng nhận.

**h) Phí, lệ phí:**

\* Lệ phí cấp Giấy chứng nhận: 25.000 đồng.

\* Đơn giá đăng ký và Cấp giấy chứng nhận:

- Đối với đất: 569.000 đồng.

- Đối với tài sản: 705.000 đồng.
- Đối với đất và tài sản: 858.000 đồng.

Trường hợp dính chính Giấy chứng nhận mà lỗi do cơ quan nhà nước thì không thu tiền.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận;
- Thông số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh;

- Nghị Quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi Điều 17 và Điều 28 của Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của HĐND tỉnh Bình Phước;

- Nghị Quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định việc giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ - LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC.

### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

#### 1. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004232

##### a) Trình tự thực hiện:

##### - Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (gọi là *Chủ đầu tư*) nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

##### - Bước 2: Thẩm định hồ sơ và trình cấp phép:

\* Thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết và lập hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy phép;

+ Trường hợp không cấp Giấy phép và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung gửi đến Bộ phận tiếp nhận để thông báo cho Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc;

\* Trình cấp phép: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký Quyết định cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ cập nhật, theo dõi và chuyển



Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy phép.

- **Bước 4:** Chủ đầu tư nhận Giấy phép thăm dò nước dưới đất tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo Mẫu 01);
- Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên (theo Mẫu 21, ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023); thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm (theo Mẫu 22, ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023);

- Hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện lập đề án (Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014).

\* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ (Đối với trường hợp hồ sơ phải thành lập Hội đồng thăm định thì số lượng hồ sơ phải nộp là 05 bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc. Hồ sơ nộp lần thứ 2 trở đi thì thời hạn giải quyết là 20 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: đơn vị thực hiện dịch vụ bưu chính công ích.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí thăm định:

+ Lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 200.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 500.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.200.000 đồng;

+ Lưu lượng từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.200.000 đồng.

(Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh)

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Có Đề án phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt. Đề án phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi: .....(1)

**1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (*đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân*):  
.....

1.2. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (*đối với tổ chức*)/số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân (*đối với cá nhân*):  
.....

1.3. Địa chỉ (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi địa chỉ hộ khẩu thường trú*):  
.....

1.4. Điện thoại:..... Fax:.....Email: .....

**2. Nội dung đề nghị cấp phép:**

2.1. Vị trí công trình thăm dò:..... (2)

2.2. Mục đích thăm dò:..... (3)

2.3. Quy mô thăm dò:..... (4)

2.4. Tầng chứa nước thăm dò:..... (5)

2.5. Thời gian thi công:..... (6)

**3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Đề án thăm dò nước dưới đất (*đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên*).

- Thiết kế giếng thăm dò (*đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm*).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) kiến nghị các nội dung cấp phép đối với cơ quan cấp phép (*nếu có*).

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét, phê duyệt Đề án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).

..... ngày..... tháng.... năm .....

**Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép**

Ký, ghi rõ họ tên (*đóng dấu nếu có*)

#### **HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp..., xã/phường..., huyện/quận..., tỉnh/thành phố....., nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò. Ghi rõ tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu.

(3) Ghi rõ thăm dò nước dưới đất để cấp nước cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản....; trường hợp thăm dò để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ dự kiến lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

(4) Ghi rõ tổng số giếng, tổng lưu lượng thăm dò ( $m^3/ngày đêm$ ) và dự kiến lưu lượng của từng giếng.

(5) Ghi rõ tầng chứa nước, chiều sâu dự kiến của các giếng thăm dò; trường hợp thăm dò nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ các tầng thăm dò, số lượng giếng, lưu lượng dự kiến thăm dò trong từng tầng chứa nước.

(6) Ghi rõ thời gian bắt đầu thi công, dự kiến thời gian hoàn thành công tác thi công, thời gian hoàn thành công tác lập báo cáo kết quả thăm dò.

## **2. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004228**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (gọi là Chủ đầu tư) lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

#### **- Bước 2:** Thẩm định hồ sơ và trình cấp phép:

\* *Thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn không quá 12 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết và lập hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy phép;

+ Trường hợp không cấp Giấy phép và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đến Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 08 ngày làm việc;

\* *Trình cấp phép:* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký Quyết định gia hạn, điều chỉnh Giấy phép thăm dò nước dưới đất của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy phép.

- **Bước 4:** Chủ đầu tư nhận Quyết định gia hạn, điều chỉnh Giấy phép thăm dò nước dưới đất tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

### **b) Cách thức thực hiện:**

**\* Nộp hồ sơ:**

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép (theo Mẫu 02);
- Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép (theo Mẫu 23 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023);
- Bản sao Giấy phép đã được cấp.

*\* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.*

**d) Thời hạn giải quyết:** 17 ngày làm việc. Đối với hồ sơ nộp lần thứ 2 trở đi thì thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định: Thu bằng 50% mức thu theo quy định sau:
  - + Lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 100.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 250.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 600.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000 đồng.

(Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh)

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**

- Gia hạn giấy phép: Việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải căn cứ vào các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP và các điều kiện sau đây:

+ Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 90 ngày;

+ Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp;

+ Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

- Điều chỉnh giấy phép:

+ Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục thăm dò đã được phê duyệt;

+ Tăng quy mô lưu lượng thăm dò nhưng không vượt quá 25% theo giấy phép đã được cấp hoặc thay đổi tầng chứa nước thăm dò;

+ Khối lượng hạng mục khoan thăm dò vượt quá 10% so với khối lượng đã được phê duyệt.

Trường hợp chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh giấy phép thì phải lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP; trường hợp cơ quan cấp phép điều chỉnh giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ít nhất 90 ngày. Thời hạn của giấy phép điều chỉnh là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó.

### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP  
THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi:..... (1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép;**

- 1.1. Tên chủ giấy phép: .....
- 1.2. Địa chỉ: .....
- 1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:
- 1.4. Giấy phép thăm dò nước dưới đất số:..... ngày..... tháng..... năm..... do *(tên cơ quan cấp giấy phép)* cấp.

**2. Lý do đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép:..... (2)**

**3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:**

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/năm *(trường hợp đề nghị gia hạn)*.
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:..... *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép)*.

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**5. Cam kết của chủ giấy phép:**

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

- *(Chủ giấy phép)* kiến nghị các nội dung gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép đối với cơ quan cấp phép *(nếu có)*.

Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất cho *(tên chủ giấy phép)*./.



..... , ngày..... tháng.... năm .....

**Chủ giấy phép**

*Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)*

---

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh *(theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này)*.

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

### 3. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004223

#### a) Trình tự thực hiện:

##### - Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (gọi là Chủ đầu tư) gửi hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

##### - Bước 2: Thẩm định hồ sơ và trình cấp phép:

\* Thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết và lập hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép;

+ Trường hợp không cấp Giấy phép và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đến Bộ phận tiếp nhận thông báo cho Chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 13 ngày làm việc;

\* Trình cấp phép: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định. Trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường gửi cho Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư.

- **Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy phép;

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 03);
- Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất;
- Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất (đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên) (Mẫu 24 ban hành kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023), Báo cáo kết quả thi công giếng khai thác (đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm) (Mẫu 25 ban hành kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023) hoặc Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất (đối với trường hợp công trình khai thác đang hoạt động) (Mẫu 26 ban hành kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023);
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 06 tháng tính từ thời điểm nộp hồ sơ;
- 01 bộ hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện lập đề án (Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014).

\* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ (Đối với trường hợp hồ sơ phải lập Hội đồng thẩm định thì số lượng hồ sơ phải nộp là 05 bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc (*Sở Tài nguyên và Môi trường: 20 ngày; UBND tỉnh: 05 ngày*). Hồ sơ nộp lần thứ hai trở đi thì thời gian giải quyết là 20 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất:
  - + Lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 200.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 500.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.200.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 1000m<sup>3</sup> đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.200.000 đồng.
- Phí thẩm định Báo cáo kết quả thi công giếng, kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:
  - + Lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 200.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 200m<sup>3</sup> dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 800.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 2.000.000 đồng;
  - + Lưu lượng từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 3.000.000 đồng.

*(Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh)*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có báo cáo phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt. Báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Phương án thiết kế công trình hoặc công trình khai thác tài nguyên nước phải phù hợp với quy mô, đối tượng khai thác và đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước, môi trường.

- Có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước theo quy định; trường hợp chưa có công trình thì phải có phương án bố trí thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Căn cứ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG**  
**NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi:..... (1)

**1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân):  
.....

1.2. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (đối với tổ chức)/số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân (đối với cá nhân):.....

1.3. Địa chỉ (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú): .....

1.4. Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

**2. Nội dung đề nghị cấp phép:**

2.1. Vị trí công trình khai thác:..... (2)

2.2. Mục đích khai thác, sử dụng nước:..... (3)

2.3. Tầng chứa nước khai thác:..... (4)

2.4. Số giếng khai thác (hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động):..... (5)

2.5. Tổng lưu lượng nước khai thác:..... (m<sup>3</sup>/ngày đêm)

2.6. Thời gian đề nghị cấp phép: (tối đa là 10 năm) .....

2.7. Chế độ khai thác:..... ngày/năm.

Số hiệu, vị trí và thông số của công trình khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiều...)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến			

**3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất.

- Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm (*đối với trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất*).

- Báo cáo hiện trạng khai thác (*đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động*).

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng nguồn nước dưới đất không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng (*đối với trường hợp công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia*).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

#### **4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) kiến nghị các nội dung cấp phép đối với cơ quan cấp phép (*nếu có*).

Đề nghị (*cơ quan cấp phép*) xem xét, cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho (*tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).

....., ngày.... tháng.....năm .....

**Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép**  
Ký, ghi rõ họ tên (*đóng dấu nếu có*)

---

#### **HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp.. xã/phường....huyện/quận....tỉnh/thành phố.... nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính.

**4. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004211**

**a) Trình tự thực hiện**

**- Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (gọi là *Chủ đầu tư*) nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

**- Bước 2:** Thẩm định hồ sơ và trình cấp phép:

\* *Thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết và lập hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép;

+ Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đến Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc;

\* *Trình cấp phép:* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

**- Bước 3:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định. Trường hợp không chấp nhận gia hạn, điều chỉnh giấy phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi cho Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư.



- **Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy phép.

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận giấy phép tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 04);
- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác thì phải nêu rõ phương án khai thác nước (Mẫu 27 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023);
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước dưới đất đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép.
- 01 bộ hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện lập đề án (Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014).

\* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 17 ngày làm việc (*Sở Tài nguyên và Môi trường: 12 ngày; UBND tỉnh: 05 ngày*). Hồ sơ nộp lần thứ hai trở đi thì thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;

- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất:
    - + Lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 100.000 đồng;
    - + Lưu lượng từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 250.000 đồng;
    - + Lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 600.000 đồng;
    - + Lưu lượng từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.100.000 đồng.
  - Phí thẩm định Báo cáo kết quả thi công giếng, kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:
    - + Lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm: 100.000 đồng;
    - + Lưu lượng từ 200m<sup>3</sup> đến dưới 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: 400.000 đồng;
    - + Lưu lượng từ 500m<sup>3</sup> đến dưới 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1000.000 đồng;
    - + Lưu lượng từ 1.000m<sup>3</sup> đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm: 1.500.000 đồng.
- (Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh)

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Gia hạn giấy phép: Việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải căn cứ vào các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 02/2023/NĐ- CP và các điều kiện sau đây:

+ Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 90 ngày;

+ Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp;

+ Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

- Điều chỉnh giấy phép: Trường hợp chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh giấy phép thì phải lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ- CP; trường hợp cơ quan cấp phép điều chỉnh giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ít nhất 90 ngày. Thời hạn của giấy phép điều chỉnh là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó.

Trường hợp ngoài việc điều chỉnh giấy phép, chủ giấy phép còn có nhu cầu cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước tại công trình thì thể hiện rõ trong hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép. Việc cấp lại được xem xét đồng thời trong quá trình điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.

**I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Căn cứ Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:***

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH**  
**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**Kính gửi:** .....(1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

1.1. Tên chủ giấy phép: .....

1.2. Địa chỉ: .....

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số:..... ngày..... tháng..... năm..... do *(tên cơ quan cấp giấy phép)* cấp; thời hạn của giấy phép.

**2. Lý do đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép:**..... (2)

**3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:**

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/ năm *(trường hợp đề nghị gia hạn)*.

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:..... *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép)*.

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép.

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng nguồn nước dưới đất không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**5. Cam kết của chủ giấy phép:**

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- *(Chủ giấy phép)* kiến nghị các nội dung gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho *(tên chủ giấy phép)*./.

....., ngày..... tháng..... năm .....

**Chủ giấy phép**

*Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)*

---

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh *(theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này)*.

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

**5. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004179**

**a) Trình tự thực hiện**

**- Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (gọi là *Chủ đầu tư*) nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

**- Bước 2:** Thẩm định hồ sơ và trình cấp phép:

\* *Thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn không quá 18 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết và lập hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép;

+ Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đến Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả thông báo cho Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 13 ngày làm việc;

\* *Trình cấp phép:* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

**- Bước 3:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định. Trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư;

**- Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi,

sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy phép;

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 05);
- Đề án khai thác, sử dụng nước mặt đối với trường hợp chưa có công trình khai thác (Mẫu 28 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023); Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (Mẫu 29 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023);

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước;

- 01 bộ hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện lập đề án (Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014).

\* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ (Đối với trường hợp hồ sơ phải lập Hội đồng thẩm định thì số lượng hồ sơ phải nộp là 05 bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc (*Sở Tài nguyên và Môi trường: 20 ngày; UBND tỉnh: 05 ngày*). Hồ sơ nộp lần thứ hai trở đi thì thời gian giải quyết là 20 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Phí, lệ phí:**

- Phí thăm định:

+ Lưu lượng dưới  $0,1\text{m}^3/\text{giây}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy dưới 50Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng dưới  $500\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 300.000đồng;

+ Lưu lượng từ  $0,1\text{m}^3/\text{giây}$  đến dưới  $0,5\text{m}^3/\text{giây}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy từ 50Kw đến dưới 200Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng từ  $500\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm đến dưới  $3.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 800.000 đồng;

+ Lưu lượng từ  $0,5\text{m}^3/\text{giây}$  dưới  $1\text{m}^3/\text{giây}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy từ 200Kw đến dưới 1.000Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng từ  $3.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm đến dưới  $20.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 2.000.000 đồng;

+ Lưu lượng từ  $1\text{m}^3/\text{giây}$  dưới  $2\text{m}^3/\text{giây}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy từ 1.000Kw đến dưới 2.000Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng từ  $20.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm đến dưới  $50.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 4.000.000 đồng.

*(Theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh)*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đã hoàn thành việc thông báo, lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan (đối với trường hợp lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).

- Có đề án, báo cáo phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt. Đề án, báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Phương án thiết kế công trình hoặc công trình khai thác tài nguyên nước phải phù hợp với quy mô, đối tượng khai thác và đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước, môi trường.

*- Riêng đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt có xây dựng hồ, đập trên sông, suối ngoài các điều kiện quy định ở trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau:*

+ Có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, bảo đảm sự di cư của các loài cá, sự đi lại của phương tiện vận tải thủy đối với các đoạn sông, suối có hoạt động vận tải thủy;



+ Có Phương án bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; Phương án quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp chưa có công trình.

+ Có quy trình vận hành hồ chứa; có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để thực hiện việc vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước, quan trắc khí tượng, thủy văn và dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp đã có công trình.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

**Kính gửi:**.....(1)

**1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (*đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân*):  
.....

1.2. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (*đối với tổ chức*)/ số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân (*đối với cá nhân*): .....

1.3. Địa chỉ (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*): .....

1.4. Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

**2. Thông tin chung về công trình khai thác, sử dụng nước:**

2.1. Tên công trình .....

2.2. Loại hình công trình, phương thức khai thác nước..... (2)

2.3. Vị trí công trình (*thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố*)... ..  
(3)

2.4. Hiện trạng công trình.....  
(4)

**3. Nội dung đề nghị cấp phép:**

3.1. Nguồn nước khai thác, sử dụng:..... (5)

3.2. Vị trí lấy nước:..... (6)

3.3. Mục đích khai thác, sử dụng nước:.....  
(7)

3.4. Lượng nước khai thác, sử dụng:.....  
(8)

3.5. Chế độ khai thác, sử dụng:..... (9)

3.6. Thời gian đề nghị cấp phép: (*tối đa là 15 năm*) .....

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Đề án khai thác, sử dụng nước (*đối với trường hợp chưa có công trình khai thác/trường hợp công trình chưa đi vào vận hành khai thác nước*); báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành (*đối với trường hợp đã có công trình khai thác*).

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước (*không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ*) (*trừ trường hợp khai thác, sử dụng nước cho phát điện*).

- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

- Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng (*trường hợp dự án/công trình thuộc diện phải lấy ý kiến cộng đồng theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 của Nghị định này*).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

### **5. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) kiến nghị các nội dung cấp phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét, cấp giấy phép khai thác sử dụng nước mặt cho (*tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*)./.

..... ngày..... tháng..... năm .....

**Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép**

Ký, ghi rõ họ tên (*đóng dấu nếu có*)

---

### **HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Ghi rõ loại hình công trình (*hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước,...*), mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất lắp máy/trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,...

(3) Trường hợp công trình đặt trên nhiều địa bàn hành chính khác nhau thì ghi đầy đủ các địa danh hành chính đó.

(4) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian đưa vào vận hành/dự kiến vận hành.

(5) Nguồn nước khai thác; Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông nào; trường hợp công trình có chuyển nước thì nêu rõ cả tên nguồn nước tiếp nhận.

(6) Nêu rõ địa danh vị trí lấy nước (*thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố*) và tọa độ các hạng mục chính của công trình: cửa lấy nước, tim tuyến đập (*đối với trường hợp có hồ chứa*), tim nhà máy thủy điện và cửa xả nước vào nguồn nước (*đối với công trình thủy điện*) (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3°*).

(7) Nêu rõ mục đích sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích sử dụng (*cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản...*) và ghi rõ các mục đích sử dụng nước phải tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; nhiệm vụ cấp nước trực tiếp, tạo nguồn tương ứng với từng mục đích sử dụng.

(8) Ghi rõ lượng nước khai thác sử dụng lớn nhất cho từng mục đích sử dụng theo từng thời kỳ ngày/ tháng/ mùa vụ/ năm và tổng lượng nước sử dụng trong năm. Trong đó:

- Lượng nước khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng  $m^3/s$ .

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng  $m^3/s$ ; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác, sử dụng cho các mục đích khác tính bằng  $m^3/ngày\ đêm$ .

(9) Ghi rõ số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

**6. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004167**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép (gọi là Chủ đầu tư) nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

**- Bước 2:** Thẩm định hồ sơ và trình cấp phép:

\* *Thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết và lập hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh quyết định gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;

+ Trường hợp không gia hạn, điều chỉnh Giấy phép và yêu cầu tổ chức, cá nhân phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đến Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả thông báo cho Chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc;

\* *Trình cấp phép:* Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc

**- Bước 3:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình đề nghị gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét Quyết định gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định. Trường hợp không chấp nhận gia hạn, điều chỉnh Giấy phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ phận tiếp

nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư.

- **Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển Bộ phận tiếp nhận thông báo cho Chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy phép.

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận Quyết định gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (Mẫu 06);

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước (Mẫu 31 ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023);

- Hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện lập đề án (Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014).

\* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ (Đối với trường hợp hồ sơ phải lập Hội đồng thẩm định thì số lượng hồ sơ phải nộp là 05 bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** 17 ngày làm việc (*Sở Tài nguyên và Môi trường: 12 ngày; UBND tỉnh: 05 ngày*). Hồ sơ nộp lần thứ hai trở đi thì thời gian giải quyết là 13 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Không

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.**h) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định:

+ Lưu lượng dưới  $0,1\text{m}^3/\text{giờ}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy dưới 50Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng dưới  $500\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 150.000 đồng;

+ Lưu lượng từ  $0,1\text{m}^3/\text{giờ}$  đến dưới  $0,5\text{m}^3/\text{giờ}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy từ 50Kw đến dưới 200Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng từ  $500\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm đến dưới  $3.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 400.000 đồng;

+ Lưu lượng từ  $0,5\text{m}^3/\text{giờ}$  dưới  $1\text{m}^3/\text{giờ}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy từ 200Kw đến dưới 1.000Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng từ  $3.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm đến dưới  $20.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 1.000.000 đồng;

+ Lưu lượng từ  $1\text{m}^3/\text{giờ}$  dưới  $2\text{m}^3/\text{giờ}$  đối với sản xuất nông nghiệp; công suất lắp máy từ 1.000Kw đến dưới 2.000Kw đối với sản xuất điện; lưu lượng từ  $20.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm đến dưới  $50.000\text{ m}^3/\text{ngày}$  đêm cho các mục đích khác: 2.000.000 đồng.

*(Theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh).*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có báo cáo phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt. Báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

*Riêng với trường hợp gia hạn, tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:*

- Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 90 ngày;

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:***

---



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC,  
SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

Kính gửi:..... (1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

- 1.1. Tên chủ giấy phép: .....
- 1.2. Địa chỉ: .....
- 1.3. Điện thoại:.....Fax:..... Email: .....
- 1.4. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số:..... ngày.....tháng..... năm..... do *(tên cơ quan cấp giấy phép)* cấp; thời hạn của giấy phép...

**2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép:.....(2)**

**3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:**

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/ năm *(trường hợp đề nghị gia hạn)*.
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:..... *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép)*.

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt và tình hình thực hiện giấy phép.
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước *(không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ)* *(trừ trường hợp khai thác, sử dụng nước cho phát điện)*.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan *(nếu có)*.

**5. Cam kết của chủ giấy phép:**

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.
- *(Chủ giấy phép)* kiến nghị các nội dung gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép đối với cơ quan cấp phép *(nếu có)*.

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho (*tên chủ giấy phép*).

....., ngày.... tháng..... năm .....

**Chủ giấy phép**

*Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)*

-

---

### **HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

## 7. Cấp lại Giấy phép Tài nguyên nước. Mã số TTHC: 1.000824

### a) Trình tự thực hiện

#### - Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (gọi là Chủ đầu tư) nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

#### - Bước 2: Thẩm định hồ sơ và trình cấp phép:

\* Thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp giấy phép, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản lập các thủ tục tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép;

+ Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép và yêu cầu Chủ đầu tư phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản tham mưu Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường gửi nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đến Bộ phận tiếp nhận thông báo cho Chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật.

\* Trình cấp phép: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ trình đề nghị cấp lại Giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét Quyết định cấp lại Giấy phép theo quy định. Trường hợp không chấp nhận cấp lại Giấy phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường gửi cho Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư.

- **Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Quyết định cấp lại Giấy phép của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi và chuyển Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận Giấy phép;

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận lại Giấy phép tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép (Mẫu 09);
- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức). Đối với trường hợp cấp lại giấy phép do chuyển nhượng, hồ sơ còn phải bao gồm giấy tờ chứng minh việc chuyển nhượng công trình, việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng nước và các tài liệu có liên quan.

\* *Số lượng hồ sơ:* 02 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 12 ngày làm việc (*Sở Tài nguyên và Môi trường: 07 ngày; UBND tỉnh: 05 ngày*).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh;
- Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hành chính.

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy phép được cấp lại trong các trường hợp sau đây:
  - + Giấy phép bị mất, bị rách nát, hư hỏng;
  - + Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép.

- Thời hạn ghi trong giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại theo giấy phép đã được cấp trước đó.

**I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;
- Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức thu, quản lý, sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:***

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Kính gửi:..... (1)

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép..... (2)**

**1.1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép: .....**

1.2. Địa chỉ: .....

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

1.4. Giấy phép..... (3) số:..... ngày..... tháng..... năm ..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp.

**2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:..... (4)**

**3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:**

- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:**

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) kiến nghị các nội dung cấp lại giấy phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (cơ quan cấp phép) xem xét cấp lại Giấy phép..... (3) cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép)./.

....., ngày.... tháng..... năm .....

**Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp  
lại giấy phép**

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

---

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Là chủ giấy phép đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị định này; là tổ chức/cá nhân sau khi đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định này.

(3) Tên loại giấy phép (*giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất/ khai thác, sử dụng nước mặt/khai thác, sử dụng nước biển*).

(4) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

**8. Lấy ý kiến UBND tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh. Mã số TTHC: 1.001740**

**a) Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Chủ đầu tư dự án lập hồ sơ (theo khoản 3 Điều 2 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023) trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công. Địa chỉ: số 727 Quốc lộ 14, phường Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

**- Bước 2:** Thực hiện lấy ý kiến và tham mưu văn bản trả lời:

\* Thực hiện lấy ý kiến

- Đối với các dự án không có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc tiếp theo, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng.

- Đối với các dự án có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các đơn vị liên quan xin ý kiến.

+ Trong thời hạn 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Tổ chức lưu vực sông (nếu có) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án.

\* Tham mưu văn bản trả lời: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.

**- Bước 3:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản tổng hợp ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh xem xét phê duyệt văn bản trả lời theo quy định. Trường hợp không chấp nhận phê duyệt văn bản trả lời, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Phòng Tài nguyên nước



và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư;

- **Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận phê duyệt văn bản trả lời của UBND tỉnh, Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận cập nhật, theo dõi và chuyển Bộ phận trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận văn bản trả lời;

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận văn bản trả lời tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

\* Nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án;

- Kế hoạch triển khai xây dựng công trình;

- Tiến độ xây dựng công trình;

- Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023;

- Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Quy mô, phương án chuyển nước (đối với dự án có chuyển nước).

\* Số lượng hồ sơ: 07 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

\* Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh: 40 ngày làm việc (Sở Tài nguyên và Môi trường: 35 ngày; UBND tỉnh: 05 ngày).

\* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh: 67 ngày làm việc (Sở Tài nguyên và Môi trường: 62 ngày; UBND tỉnh: 05 ngày).

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản trả lời xin ý kiến.

**h) Kinh phí:** Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### 1. Đăng ký khai thác nước dưới đất. Mã số TTHC: 1.001662

#### a) Trình tự thực hiện

##### - Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện (*sau đây gọi tắt là Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả*) hoặc nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu (*đảm bảo người nộp hồ sơ chỉ phải đi lại bổ sung Tờ khai một lần*).

Trường hợp chưa xây dựng công trình khai thác nước dưới đất, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành xây dựng công trình.

##### - Bước 2: Thẩm định tờ khai và xác nhận đăng ký:

\* Thẩm định tờ khai: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định tờ khai (bao gồm cả thời gian thực hiện kiểm tra thực tế hiện trường nếu cần thiết);

+ Trường hợp tờ khai đủ điều kiện xác nhận đăng ký, Phòng Tài nguyên và Môi trường lập các thủ tục trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký xác nhận vào tờ khai;

+ Trường hợp không xác nhận đăng ký và yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện tờ khai thì Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung gửi đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện tờ khai theo quy định pháp luật.

\* Trình xác nhận đăng ký: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.

- **Bước 3:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký xác nhận vào tờ khai của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để gửi Tờ khai đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân (qua đường Bưu điện).

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả (qua đường Bưu điện) giải quyết thủ tục hành chính gồm một (01) Tờ khai đã được xác nhận.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai (đã được xác nhận) cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

**b) Cách thức thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

\* Nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 35 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

\* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kết quả thực hiện thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất theo Mẫu 35 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

**h) Phí, lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

***Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:***

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

*(đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)*

**A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ**

**1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: .....

*(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân).*

1.2. Địa chỉ liên hệ: .....

1.3. Số điện thoại liên hệ: .....

**2. Thông tin về công trình khai thác:**

2.1. Vị trí công trình: .....

*(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)*

2.2. Số giếng khai thác: .....(m); Chiều sâu khai thác: .....(m)

2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng: .....(m<sup>3</sup>/ngày đêm);

2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước: .....

*(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác)*

....., ngày .... tháng ..... năm .....

**Tổ chức/cá nhân đăng ký**

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

**B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ**  
(Xác nhận, ký, đóng dấu)

---

**Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:**

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức / cá nhân xin đăng ký.
2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.
3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

## **2. Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh. Mã số TTHC: 1.001645**

### **- Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả).

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết Phiếu tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên và Môi trường. Thời gian thực hiện trong ngày làm việc.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn hoàn thiện theo đúng yêu cầu.

### **- Bước 2:** Thực hiện lấy ý kiến và tham mưu văn bản trả lời:

#### \* Thực hiện lấy ý kiến

#### - Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc tiếp theo, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng.

#### - Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

+ Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ đầu tư (mời Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn và Ủy ban nhân dân cấp xã tham dự)

+ Tham mưu văn bản trả lời: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.

**- Bước 3:** Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản tổng hợp ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt văn bản trả lời theo quy định. Trường hợp không chấp nhận phê duyệt văn bản trả lời, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Phòng Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trả lại hồ sơ cho Chủ đầu tư;

**- Bước 4:** Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận phê duyệt văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi



trường vào sổ theo dõi, sau đó chuyển đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để thông báo cho Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận văn bản trả lời;

- **Bước 5:** Chủ đầu tư nhận văn bản trả lời tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**b) Cách thực hiện:**

\* Nộp hồ sơ:

- Thực hiện trực tuyến trên cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

\* Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc theo yêu cầu đã đăng ký.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án;
- Kế hoạch triển khai xây dựng công trình;
- Tiến độ xây dựng công trình;
- Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;
- Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;
- Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023;
- Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
- Quy mô, phương án chuyển nước (đối với dự án có chuyển nước).

\* Số lượng hồ sơ: Mỗi cơ quan, đơn vị cần lấy ý kiến đối với dự án 01 bộ hồ sơ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

\* Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 30 ngày làm việc.

\* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 40 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

**e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản trả lời xin ý kiến.

**h) Kinh phí:** Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

---